

MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC NHAU CƠ BẢN GIỮA TIẾNG ANH ANH VÀ TIẾNG ANH MỸ

 NGUYỄN THỊ HIỀN HƯƠNG*

Ngày nhận: 21/2/2019

Ngày phản biện: 15/4/2019

Ngày duyệt đăng: 24/5/2019

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số điểm khác biệt cơ bản giữa tiếng Anh Anh và tiếng Anh Mỹ trên các phương diện: ngữ pháp, từ vựng, phát âm và thành ngữ. Trên cơ sở đó chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt và cho thấy một thực tế: tiếng Anh Anh và Mỹ vẫn là một ngôn ngữ nhưng lại là hai phương ngữ rất khác nhau.

Từ khóa: tiếng Anh - Anh, tiếng Anh - Mỹ, ngữ pháp, từ vựng, phát âm, thành ngữ

SOME BASIC DIFFERENCES BETWEEN BRITISH ENGLISH AND AMERICAN ENGLISH

Abstract: The article analyzes some key differences between British English and American English in terms of grammar, vocabulary, pronunciation and idioms. On that basis, the article points out some reasons for that difference and shows the fact that English and American English are still one language but are two very different dialects.

Key words: British English, American English, grammar, vocabulary, pronunciation, idioms.

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế được sử dụng trong nhiều lĩnh vực và là ngôn ngữ phổ quát của mạng internet. Nói cách khác đó là một ngôn ngữ toàn cầu. Nhưng ngôn ngữ toàn cầu này không hoàn toàn giống nhau ở những nơi chúng ta đến.

Có một câu nói vui của người Châu Âu là: nước Anh và nước Mỹ khác nhau vì cùng chung một ngôn ngữ. Trên thực tế người học tiếng Anh đôi khi gặp khó khăn khi gặp một hiện tượng ngữ pháp hay một từ hoặc một thuật ngữ có 2 cách viết nhưng cùng một nghĩa. Điều này được lý giải là do tiếng Anh Anh (British English) và tiếng Anh Mỹ (American English) có sự khác nhau nhưng vẫn được sử dụng song song ở khắp nơi trên thế giới. Do đó, người học nên tìm hiểu thêm về những khác biệt này để sử dụng tiếng Anh một cách linh hoạt, phù hợp với thực tế hơn.

2. Sự khác nhau cơ bản giữa tiếng Anh Anh và Anh Mỹ

2.1. Sự khác biệt trong ngữ pháp thông dụng

Khó có thể đề cập tất cả sự khác biệt trong ngữ pháp giữa tiếng Anh - Anh và Anh - Mỹ chỉ trong một bài viết này; thay vào đó, chúng tôi sẽ tập trung vào các điểm khác biệt phổ biến trong các giáo trình tiếng Anh và thể hiện cách sử dụng khác nhau bằng các ví dụ.

+ Sự khác biệt trong việc sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present Perfect tense) và thì quá khứ đơn (Past Simple Tense)

Trong ngữ pháp tiếng Anh, thì hiện tại hoàn thành được sử dụng để chỉ một tình huống xảy ra vào một thời điểm không xác định hay trong một khoảng thời gian bắt đầu từ quá khứ và dẫn đến hiện tại, liên quan đến hiện tại [7].

Ví dụ: *I have lost my house key.* (I can't get into my house now).

Trong tiếng Anh Anh, thì hiện tại hoàn thành được sử dụng với các trạng từ: *since, already, just, yet...* Tuy nhiên, tiếng Anh Mỹ có xu hướng sử dụng cả thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn với các trạng từ này [7].

Ví dụ: The manager *already made* a speech at the meeting. (American English)

The manager *has already made* a speech at the meeting. (British English)

She *didn't finish* her work yet. (American English)

She *hasn't finished* her work yet. (British English)

+ Các dạng quá khứ (past) và phân từ quá khứ (past participle) của một số động từ

Theo Crystal (1995), động từ "get", "forget",... cho thấy rõ nhất sự khác nhau mà người Anh và người Mỹ sử dụng. Người Anh hầu như không bao giờ dùng phân từ quá khứ của các từ này là "gotten" hay "forgotten" như người Mỹ và ngược lại người Mỹ cũng không sử dụng từ "got" cho phân từ 2 của từ này như tiếng Anh - Anh [2]. Tuy nhiên chúng tôi thấy ở

* Trường Đại học Công đoàn

các nước sử dụng tiếng Anh như một ngoại ngữ thì cả 2 trường hợp trên đều được chấp nhận.

Ví dụ: We've **got** rid of the old furniture (British English)

We've **gotten** rid of the old furniture. (American English)

Các dạng thức quá khứ và phân từ quá khứ có quy tắc của động từ (regular form) thường được dùng nhiều trong tiếng Anh Mỹ và hình thức bất quy tắc (irregular form) thường là của tiếng Anh Anh. Một số các động từ phổ biến như: learn, burn, spill, dream, v.v.

Learn - learnt/learned

Burn - burnt/ burned

Spill - spilt/ spilled

Dream - dreamt/dreamed

+ Câu hỏi đuôi

Người Mỹ thường ít sử dụng câu hỏi đuôi hơn người Anh. Câu hỏi đuôi là câu hỏi ngắn được đặt ở cuối câu, thường là trong văn nói để xác định lại thông tin đã đưa ra. Câu hỏi đuôi bao gồm một trợ động từ và một đại từ nhân xưng:

Mary is keen on fashion, *isn't she?*

+ Cấu trúc "have got + noun" và "have + noun"

Theo Swan (2005), trong tiếng Anh Anh, "have got" là cụm từ được ưa thích dùng để thể hiện sự sở hữu, các mối quan hệ và các trạng thái khác. Hình thức kép này thường được sử dụng trong các cuộc hội thoại và các bài viết không trang trọng. Tiếng Anh Mỹ thì không có "got" đi kèm. Các dạng phủ định và nghi vấn vì thế cũng khác nhau [7].

Ví dụ: *I have/don't have a pet/ Do you have a pet?* (American English)

I have (not) got a pet/ Have you got a pet? (British English)

2.2. Một số sự khác biệt trong từ vựng

+ Giữa tiếng Anh Anh và Anh Mỹ có nhiều cặp từ viết khác nhau nhưng mang cùng một nghĩa. Dưới đây là một số ví dụ thường gặp, chúng tôi xin được liệt kê trong *bảng bên*.

Hầu hết các từ ghép trong tiếng Anh là sự kết hợp hai gốc (two-root compounds) như:

* Sự kết hợp danh từ-tính từ: *worldwide* (toàn thế giới)

* Sự kết hợp động từ-danh từ: *swimming pool* (Bể bơi)

* Sự kết hợp danh từ-động từ: *sunshine* (ánh sáng mặt trời);

* Sự kết hợp tính từ- động từ: *dry-clean* (giặt khô), v.v...

Tiếng Anh Anh	Tiếng Anh Mỹ	Nghĩa
solicitor/barrister	attorney/ lawyer	luật sư
aim at + V.ing	aim to + infinitive verb	nhắm mục đích làm gì
aeroplane	airplane	máy bay
autumn	fall	mùa thu
creditors	accounts payable	nợ phải trả
biscuit	cookie; cracker	bánh quy
black economy	underground economy	kinh doanh bất hợp pháp
block of flats	apartment building	toà nhà chung cư
cheque	check	séc
chips	French fries	khoai tây chiên
cinema	movie theater; the movies	rạp chiếu phim
debtors	accounts receivable	nợ phải thu
chemist's	drugstore	hiệu thuốc
flat	apartment	căn hộ
first year student	freshman	sinh viên năm thứ nhất
football	soccer	bóng đá
footway	sidewalk	lối đi bộ
garden	yard; lawn	vườn
hire purchase	installment plan	sự mua trả góp
holiday	vacation	kỳ nghỉ
post	mail	thư từ
lift	elevator	thang máy
lorry	truck	xe tải
luggage	baggage	hành lý
maize	corn	ngô
maths	math	toán học
mobile phone	cell phone	điện thoại di động
motorway	expressway; highway	đường cao tốc
motorbike	motorcycle	xe máy
petrol	gas; gasoline	xăng
postbox	mailbox	hòm thư
public transport	public transportation	giao thông công cộng
public toilet	rest room	toilet công cộng
rubbish	garbage	rác
starter	appetizer	món khai vị
state school	public school	trường công
share	stock	cổ phiếu
surtitle	supertitle	phụ đề
sweet(s)	candy	kẹo
second year student	sophomore	sinh viên năm thứ 2
touch wood	knock on wood	chạm vào gỗ để lấy may
trade union	labor union	công đoàn
trading estate	industrial park	đất công nghiệp
trainers	sneakers	giày thể thao
trolley	shopping cart	xe đẩy hàng trong siêu thị
underground	subway	tàu điện ngầm
vest	undershirt	áo lót bên trong sơ mi
wardrobe	closet	tủ quần áo
white coffee	coffee with cream	cà phê sữa
zebra crossing	crosswalk	lối qua đường dành cho người đi bộ
taxi	cab	xe taxi

Tuy nhiên có thể thấy cách viết từ ghép của người Anh và người Mỹ khác nhau. Tiếng Anh Mỹ có xu hướng sử dụng một từ hoặc viết các từ riêng biệt còn tiếng Anh Anh thường sử dụng dạng gạch nối, điều này hiếm thấy trong tiếng Anh Mỹ.

Ví dụ: Learning a new skill is *time-consuming*. (British English)

It's *time consuming* to learn a new skill. (American English)

2.3. Sự khác biệt trong phát âm

+ Sự khác nhau trong cách phát âm của nguyên âm đơn, nguyên âm đôi và phụ âm

7 âm nguyên âm ngắn khác nhau [ɪ, e, æ, ʌ, ʊ, ʊ, ə] có thể được tìm thấy trong cả tiếng Anh Anh và Anh Mỹ, tuy nhiên người Mỹ thường thay thế nguyên âm [ʊ] bằng âm [ɑ:], ví dụ trong các từ như: hot, stop, knowledge, not,...

	Tiếng Anh Anh	Tiếng Anh Mỹ
knowledge	[nɒlɪdʒ]	[nɑ:lɪdʒ]
hot	[hɒt]	[hɑ:t]
lot	[lɒt]	[lɑ:t]
not	[nɒt]	[nɑ:t]

Trong tiếng Anh Anh, chúng ta thường thấy âm [ɔ:] trong khi đó tiếng Anh Mỹ thay thế bằng âm [ɑ:]. Phần kéo dài ở giữa [ɔ:] mất độ tròn và trở thành âm mở [ɑ:], có ở các từ như daughter, walk, thought, v.v...

	Tiếng Anh Anh	Tiếng Anh Mỹ
daughter	[dɔ:tə]	[dɑ:tər]
walk	[wɔ:k]	[wɑ:k]
thought	[θɔ:t]	[θɑ:t]

Một số lượng lớn các từ trong tiếng Anh Anh có chứa âm [ɑ:] thì trong tiếng Anh Mỹ, nguyên âm mở phía trước [æ] được dùng, chẳng hạn như:

	Tiếng Anh Anh	Tiếng Anh Mỹ
dance	[dɑ:ns]	[dæns]
staff	[stɑ:f]	[stæf]
half	[hɑ:f]	[hæf]
aunt	[ɑ:nt]	[ænt]
ask	[ɑ:sk]	[æsk]
example	[ɪg'zɑ:mpəl]	[ɪg'zæmpəl]

Tiếng Anh Anh phân biệt tám nguyên âm đôi. Ba trong số này là /iə/, /eə/, /ʊə/ kết thúc bằng âm giảm /ə/ tuy nhiên các từ tương đương trong tiếng Anh Mỹ không có kết thúc bằng âm này. Ví dụ:

	Tiếng Anh Anh	Tiếng Anh Mỹ
ear	[iə]	[ɪr]
chair	[tʃeə]	[tʃɛr]
cure	[kjʊə]	[kjʊr]

+ Điển hình nhất trong sự khác biệt về phụ âm là phát âm chữ cái "r" ở giữa 2 nguyên âm bên trong 1 từ.

Ví dụ: người Mỹ phát âm từ "computer" là /kəm'pjʊ:ɾər/, tiếng Anh Anh phát âm /kəm'pjʊ:tə/, better /betə/- Anh Anh; /bedər/- Anh Mỹ

Bottle [(Anh Anh) bɒtl]; [(Anh Mỹ) ba:dl]

+ Khác về cách viết của 1 số từ: sự khác biệt phổ biến nhất bao gồm các từ kết thúc bằng -ise trong tiếng Anh Anh và -ize trong tiếng Anh Mỹ, các từ kết thúc bằng -ce và -se, các từ kết thúc bằng -our hoặc -or, các từ kết thúc bằng một phụ âm theo sau là -re hoặc -er và nhân đôi phụ âm cuối trong một từ. Chúng ta có thể thấy sự khác biệt ở các ví dụ sau:

Tiếng Anh Anh (British English)				
-ise	-our	-tre	-nce	-elled,-elling
recognise	colour	centre	licence	cancelled cancelling
standardise	humour	litre	defense	travelled travelling
Tiếng Anh Anh (British English)				
-ize	-or	-ter	-nse	-eled,-eling
recognize	color	center	license	canceled canceling
standardize	humor	liter	defense	traveled traveling

2.4. Một số sự khác biệt cơ bản trong thành ngữ thông dụng

Thành ngữ (idioms) luôn thú vị với những ẩn ý sâu xa đằng sau nó. Cũng có nhiều trường hợp hai loại tiếng Anh sử dụng các thành ngữ khác nhau để chuyển tải cùng một thông điệp. Xin nêu một số ví dụ thường gặp như sau:

Tiếng Anh Anh	Tiếng Anh Mỹ
Can't see the wood for the trees (Thấy hiện tượng mà không nhìn ra bản chất)	Can't see the forest for the trees
A storm in a teacup (Việc bé xé ra to)	A tempest in a teapot
Put in your tuppence worth (Coi không đáng 1 xu)	Put in your two cents' worth
A skeleton in the cupboard (Đẹp tốt phô ra, xấu xa dấy lại)	A skeleton in the closet
Blow one's own trumpet (Khoe khoang)	Blow one's own horn
A drop in the ocean (Như muối bỏ biển)	A drop in the bucket
Flogging a dead horse (Phí công vô ích)	Beating a dead horse
A new lease of life (Một luồng sinh khí mới)	A new lease on life
Take it with a pinch of salt (Nửa tin nửa ngờ)	Take with a grain of salt

3. Nguyên nhân dẫn đến một số điểm khác biệt giữa tiếng Anh Anh và Anh Mỹ

Theo Dillard, J.L. (1992), từ thời kỳ thuộc địa, bắt đầu vào khoảng năm 1600 khi nước Anh phát triển như một đế chế, ngôn ngữ tiếng Anh lan rộng và được nhiều người sử dụng. Thương mại quốc tế không chỉ giúp truyền bá tiếng Anh sang các nơi khác trên thế giới, nó còn mang lại những từ mới cho tiếng Anh từ nhiều ngôn ngữ khác nhau. Người Anh đến Bắc Mỹ, tạo ra một phương ngữ hoàn toàn mới và độc đáo của Mỹ. Những người định cư đầu tiên ở Mỹ vào thời điểm đó mang theo ngôn ngữ của họ và mất liên lạc với những người nói tiếng Anh ở Anh. Đây có thể được coi là thời điểm khi sự phân chia giữa tiếng Anh và tiếng Anh Mỹ bắt đầu. Người Anh đến Bắc Mỹ với vốn từ vựng đôi lúc không phù hợp với vùng đất mới. Những người thực dân thấy mình ở trong một môi trường mà họ không thể gọi tên thực phẩm, động vật, thực vật và nhiều thứ khác. Đây là một cơ sở của việc sửa đổi lời nói một cách hoàn toàn đơn giản, tự nhiên [4].

Trong tác phẩm "Divided by a Common Language", Christopher Davies đề cập đến một số quốc gia làm phong phú tiếng Anh ở Mỹ. Những người nhập cư từ các quốc gia này đến Mỹ đã đóng góp nhiều vốn từ phân biệt tiếng Anh - Mỹ với tiếng Anh - Anh. (Davies, 2005). [3]

Những người thực dân từ Pháp đến Thế giới mới (New World) vào thế kỷ 16 và định cư chủ yếu ở đồng bằng Mississippi. Nhà nước Louisiana lấy tên từ vua Pháp Louis XIV. Theo Finegan, Rickford (2004), người Pháp cũng khám phá vùng cực bắc của lục địa và tiếp xúc với các bộ lạc bản địa. Khi cố gắng trò chuyện với người bản địa, họ đã gặp phải nhiều vật thể mà họ không biết ở quê nhà. Họ đã diễn tả thông qua một số thuật ngữ bản địa mà sau này trở thành một phần của từ vựng tiếng Anh - Mỹ [5].

Ngoài ra, người Pháp sống tại Mỹ còn đặt tên cho các đồ vật và hiện tượng mà họ không biết bằng các từ tiếng Pháp. Chúng trở thành một phần của từ vựng tiếng Anh Mỹ và vẫn còn cho đến ngày nay. Một số ví dụ về các từ nhập từ vựng theo cách này là pedal (bàn đạp xe đạp), signal (tín hiệu), fault (lỗi), v.v.

New York, ban đầu được gọi là New Amsterdam, là một khu định cư thuộc địa của Hà Lan. Những người định cư Hà Lan sống trong các cộng đồng tương đối cô lập và vì vậy ngôn ngữ Hà Lan chỉ bắt đầu trộn lẫn với tiếng Anh sau đó, khi người Hà Lan mất thuộc địa của mình cho người Anh (Davies, 2005)

[3]. Một số từ có nguồn gốc Hà Lan trong tiếng Anh Mỹ ngày nay vẫn phổ biến là coleslaw (một món salad bắp cải sống cắt nhỏ), cookie (bánh quy), v.v. (theo American Heritage Dictionary) [1].

Cũng theo Davies (2005), những người Tây Ban Nha đã để lại một di sản từ vựng khổng lồ cho người Mỹ. Mối liên hệ giữa Mỹ và Tây Ban Nha đã diễn ra từ lâu trước thời kỳ thuộc địa [3] và vì vậy các từ vay mượn của tiếng Tây Ban Nha đã được sử dụng từ lâu trong tiếng Anh như: potato (khoai tây); tomato (cà chua); barbecue (tiệc nướng), mesa (bảng), v.v. (theo Online Etymology Dictionary) [6].

Do số lượng lớn người nhập cư Đức ở Mỹ, tiếng Anh Mỹ cũng bị ảnh hưởng phần nào. Theo Online Etymology Dictionary, một số ví dụ về các từ có nguồn gốc tiếng Đức là: semester: học kỳ (ban đầu có nghĩa là một khóa học sáu tháng), seminar: hội thảo (ban đầu có nghĩa là một nhóm sinh viên làm việc với một giáo sư), cabbage: cải bắp (từ tiếng Đức Sauerkraut, có nghĩa là bắp cải chua), v.v. [6].

Nhà ngôn ngữ học Weinreich đã từng tuyên bố rằng ngôn ngữ cũng thay đổi do sự tiếp xúc giữa các người nói các ngôn ngữ hoặc phương ngữ khác nhau, thay vì do biến đổi bên trong một cộng đồng ngôn ngữ nhất định (Weinreich, 1953) [8]. Điều này đặc biệt đúng với ngôn ngữ tiếng Anh khi chúng ta thấy nó lan truyền sang ngày càng nhiều quốc gia trên thế giới. Cũng giống như tất cả các ngôn ngữ khác, tiếng Anh không bao giờ ngừng phát triển. Có nhiều lý do cho sự phát triển liên tục này, một trong số đó là nhu cầu của người nói tiếng Anh thay đổi theo thời gian vì công nghệ mới, phát minh mới và trải nghiệm mới mang đến cho họ một nhu cầu đặt tên cho các hiện tượng không chỉ mới đối với thế giới và xã hội mà còn đến hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ.

4. Kết luận

Trong sự đa dạng các biến thể của tiếng Anh, người ta thường nhắc đến hai chuẩn mực của ngôn ngữ này đó là: tiếng Anh Anh (British English) và tiếng Anh Mỹ (American English). Trên thực tế chúng ta thường gặp một hiện tượng ngữ pháp nào đó hay một từ, một thuật ngữ, thành ngữ có 2 cách viết nhưng cùng một nghĩa. Chính lịch sử phát triển của ngôn ngữ Anh và làn sóng nhập cư vào Mỹ từ đầu thế kỷ XI phần nào giải thích cho sự khác biệt đó. Ngoài ra, điều kiện văn hóa và xã hội khác nhau cũng góp phần làm cho một ngôn ngữ chia thành hai phương ngữ chính được cả thế giới đón nhận. Vì vậy, người học nên tiếp cận cả tiếng Anh Anh và

(Xem tiếp trang 84)

hoạt động cấp tín dụng đối với các dự án liên quan đến môi trường xã hội của ngân hàng. Cụ thể cần bổ sung thêm vào Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 về các điều khoản quy định trách nhiệm của TCTD trong việc quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, bổ sung quy định giới hạn cấp tín dụng cho các dự án sản xuất kinh doanh gây tác động xấu đến môi trường xã hội.

4.2. Ban hành cơ chế, chính sách cho hoạt động tín dụng xanh của ngân hàng

- NHNN cần sớm ban hành chương trình phát triển ngân hàng xanh với mục tiêu, giải pháp, lộ trình cụ thể, ví dụ quy định 5% dư nợ cho vay đối với các dự án liên quan đến môi trường, từ đó tăng cường vai trò của ngân hàng xanh đối với sự phát triển bền vững. Đồng thời có cơ chế khuyến khích các ngân hàng khi cấp tín dụng cho các dự án thân thiện môi trường cụ thể: NHNN bổ sung thêm nguồn vốn cho phát triển tín dụng xanh thông qua chính sách tái cấp vốn, tái chiết khấu, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng có tỷ lệ từ 10% tổng dư nợ trở lên được đánh giá là dư nợ tín dụng xanh. Ngoài ra, NHNN cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên Môi trường xây dựng cơ chế động lực thúc đẩy tài chính xanh như ưu đãi về thuế, lãi suất, ổn định giá đầu ra cho các dự án xanh cho doanh nghiệp từ đó hỗ trợ các NHTM thẩm định về hiệu quả, khả năng trả nợ của khách hàng.

- NHNN cần ban hành các hướng dẫn và bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường, xã hội để các ngân hàng áp dụng khi thẩm định cấp tín dụng. Đồng thời, NHNN cần phối kết hợp với các Bộ, ban ngành khác trong việc xây dựng các tiêu chí về môi trường cụ thể cho các ngành nghề, lĩnh vực để hệ thống ngân hàng có đủ căn cứ thẩm định. Ngoài ra, cần nghiên cứu xây dựng danh sách ngành nghề nên hạn chế đầu tư và cấp tín dụng. □

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh số 1393/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/9/2012.
2. Chỉ thị 03/CT-NHNN 2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.
3. Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.
4. Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 ban hành theo Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.
5. Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến

lược quốc gia về tăng trưởng xanh ban hành theo Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

6. Luật Bảo vệ môi trường số 55 ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội.
7. Quyết định về việc phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam số 1604/QĐ-NHNN của NHNN ngày 7/8/2018.
8. Trần Thị Thanh Tú (chủ biên). Tài chính ngân hàng kể toán xanh kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2017.
9. Cẩn Văn Lực (2016), "Vai trò của ngân hàng xanh trong phát triển kinh tế bền vững - thực trạng và giải pháp đối với Việt Nam", kỷ yếu hội thảo vai trò ngân hàng xanh trong xanh hóa nền kinh tế, tháng 9/2016.
10. Lalón, R. M. (2015). Green banking: Going green. *International Journal of Economics, Finance and Management Sciences*, 3(1), 34-42. doi: 10.11648/j.ijefm.20150301.15
11. Kaeufer, K. (2010). *Banking as a vehicle for socio-economic development and change: Case studies of socially responsible and green banks*. Presencing Institute, Cambridge, MA.
12. UN Escap (2012), Green Finance, Available from www.unescap.org/esd/environment/lcgg/...fact...FS-Green-Finance.pg
13. Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ngày 20/11/2014.
14. Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra, giám sát ngành ngân hàng số 26/2014/NĐ-CP ngày 7/4/2014.

MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC NHAU...

(Tiếp theo trang 78)

Anh Mỹ, từ đó có thể so sánh, đối chiếu để sử dụng linh hoạt và hiệu quả trong mọi tình huống giao tiếp với người nước ngoài. □

Tài liệu tham khảo

1. American Heritage Dictionary (<https://www.ahdictionary.com>).
2. Crystal, D. (1995). *The Cambridge Encyclopedia of the English Language*. Cambridge University Press. ISBN 9780521401791
3. Davies, CH. (2005). *Divided by a Comm\=]-091"1234n Language*. Mayflower Press. ISBN-13 978- 0-618-00275-7
4. Dillard, J.L. (1992). *A History of American English*. London: Longman.
5. Finegan, E. - Rickford, J. R. (2004). *Language in the USA*. New York: Cambridge University Press. ISBN-13 978-0-511-21054-9
6. Online Etymology Dictionary: Basket case. March 25, 2019 [online] Available: http://www.etymonline.com/index.php?allowed_in_frame=0&search=basket+case&sear_chmode=none
7. Swan, M. (2005). *Practical English Usage*. Oxford University Press. ISBN-13 978 0 19 442099 0
8. Weinreich, Uriel. (1953). [1968]. *Languages in Contact*. The Hague: Mouton.